

BÀN VỀ LẠM PHÁT VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI HIỆN NAY

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nếu xem xét kết quả kinh tế và quản lý vĩ mô năm 1996 thì có một số chỉ tiêu đạt gần như kế hoạch: mức tăng trưởng GDP thực (đã loại bỏ yếu tố lạm phát), giá trị đầu tư nước ngoài ký kết năm 1996, sản lượng lương thực. Song có một kết quả khá xa dự kiến và rất bất ngờ: lạm phát giảm từ 12,7% xuống còn 4,5%, trong khi dự kiến kế hoạch là một con số (có thể hiểu ngầm là sát dưới 10%). Một vấn đề đặt ra là: đó là một thành tích chống lạm phát "quá giỏi", hay đó còn là kết quả của một số hoạt động tiêu cực của nền kinh tế? Ba năm qua 1993 - 1995 mức lạm phát (tích lũy) của đồng VN khoảng 35,6%, trong khi của đồng USD chỉ khoảng 9,2%. Thế nhưng tỷ giá hối đoái 4 năm qua thay đổi rất ít và thực tế gần như ngân hàng trung ương thực thi chế độ tỷ giá hối đoái cố định. Điều này có tác dụng tốt và xấu thế nào, có liên quan gì đến việc lạm phát giảm mạnh "ngoài kế hoạch" như trên hay không? Một kết quả nữa đáng suy nghĩ là vì sao tăng trưởng kinh tế GDP của TP.HCM năm 1996 lại thấp hơn 1995 (14,9% so với 15,3%).

Bài viết này của chúng tôi là nhằm góp một tiếng nói vào các cuộc thảo luận gần đây, nhằm làm rõ hơn:

- Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái gần như cố định tới lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN
- Ảnh hưởng của nhập hàng trả chậm qui mô lớn tới lạm phát và tăng trưởng kinh tế, và
- Ảnh hưởng của hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế tới lạm phát ở ta.

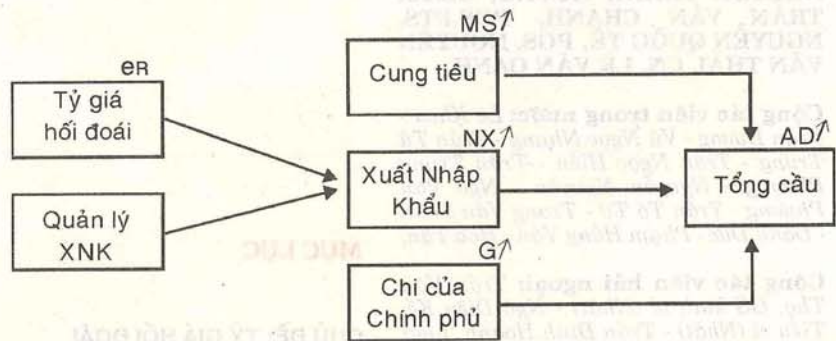
Cách tiếp cận của chúng tôi là dùng các công cụ mô hình hóa, phân tích của cả kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô, qua đó thấy rằng chúng không mâu thuẫn, hay tách rời nhau, hình thành một cách nhìn, lý giải có khả năng thuyết phục hơn. Để có thể nhận định rõ hơn về kết quả tổng hợp của các quá trình kinh tế, chúng tôi sẽ phân tích trước hết ảnh hưởng của yếu tố riêng lẻ: (1) tỷ giá hối đoái và chính sách quản lý XNK, (2) cạnh tranh trong nước, (3) đầu tư nước ngoài, (4) tiền lương tăng chậm. Ảnh hưởng của việc sản xuất lương thực liên tục gia tăng và hạn chế xuất khẩu gạo đã được trình bày ở [2]

II. PHÂN TÍCH CÁC CƠ CHẾ KINH TẾ CƠ SỞ

1. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái gần cố định và quản lý XNK tới tổng cầu

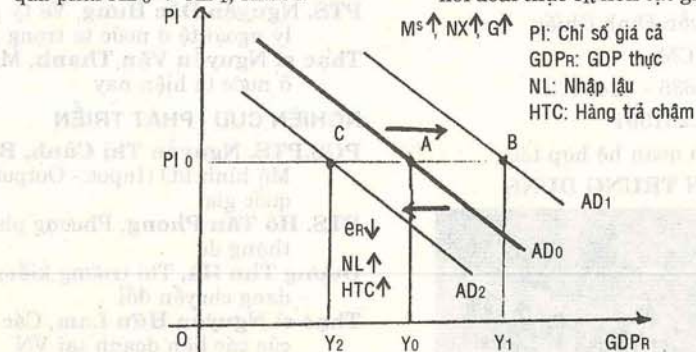
Về nguyên tắc, tổng cầu (Aggregate Demand) của nền kinh tế bị chi phối bởi các yếu tố cung tiền (M^S), xuất khẩu ròng (NX), chi của chính phủ (G) tỷ giá hối đoái thực (e_R) và quản lý XNK, hình 1

gate Demand) của nền kinh tế bị chi phối bởi các yếu tố cung tiền (M^S), xuất khẩu ròng (NX), chi của chính phủ (G) tỷ giá hối đoái thực (e_R) và quản lý XNK, hình 1



Hình 1: Các yếu tố chi phối tổng cầu

Khi cung tiền M^S tăng, hoặc xuất khẩu ròng NX tăng, hay khi chi của chính phủ G tăng thì tổng cung AD tăng. Lúc này, đường tổng cung AD dịch qua phải $AD_0 \rightarrow AD_1$, hình 2



Hình 2: Các lý do làm đường tổng cầu dịch chuyển

Khi tỷ giá hối đoái thực e_R tăng (khuyến khích xuất khẩu) hoặc các chính sách quản lý có tác dụng hạn chế nhập khẩu (cấp quota, chống buôn lậu) hay khuyến khích xuất khẩu (giảm hoặc bỏ thuế xuất khẩu, tín dụng ưu đãi cho sản xuất hàng xuất khẩu), thì xuất khẩu ròng NX tăng, làm AD dịch qua phải, $A \rightarrow B$, hình 2.

Nói theo kinh tế vi mô, thì các chính sách trên có tác dụng làm gia tăng nhu cầu mua đối với hàng sản xuất trong nước, $Y_0 \rightarrow Y_1$, hình 2.

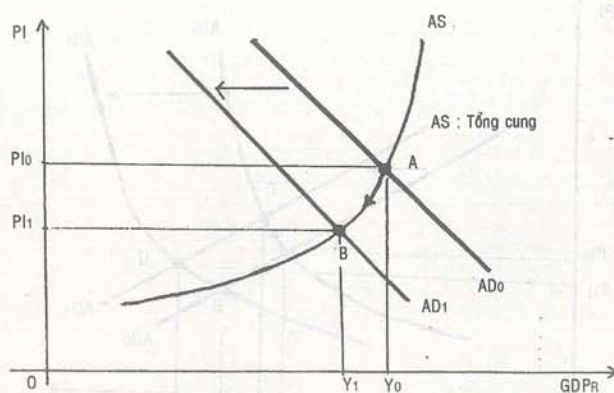
PGS. PTS. NGUYỄN THIÊN NHÂN

Nếu tỷ giá hối đoái thực e_R giảm, cấp quota nhập dễ dàng, gia hạn quota nhập của năm trước, buôn lậu gia tăng, hàng trả chậm được nhập ngày một tăng thì hàng sản xuất trong nước sẽ

bị bóp chết từng phần, nhu cầu mua với hàng nội địa giảm, đường tổng cầu dịch sang trái, $A \rightarrow C$, $Y_0 \rightarrow Y_2$, hình 2. Những năm qua, tỷ giá hối đoái danh nghĩa gần như không đổi, lạm phát của ta gấp 3 - 5 lần của Mỹ. Vì vậy, tỷ giá hối đoái thực e_R liên tục giảm (đồng VN

lên giá). Chính sách này, cùng với nhập lậu gia tăng, nhập hàng trả chậm gia tăng đã làm đường tổng cầu AD dịch sang trái.

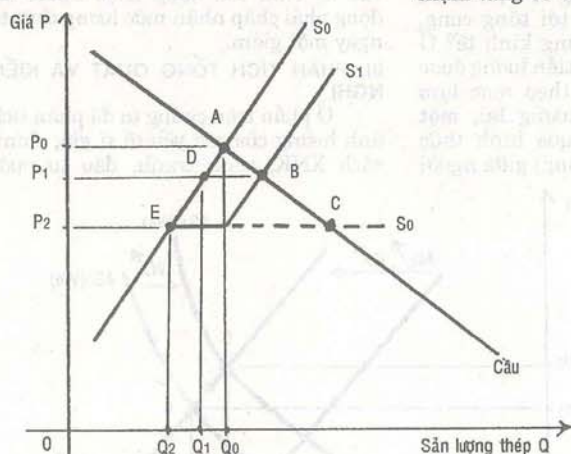
Như vậy, nếu tổng cung (Aggregate Supply) là không đổi thì việc tổng cầu AD dịch qua trái sẽ tất yếu dẫn đến hậu quả là chỉ số giá cả giảm và thu nhập (GDP_R) giảm, hình 3. Tức là chính sách tỷ giá hối đoái danh nghĩa gần như cố định, nhập lậu và nhập hàng trả chậm gia tăng có tác dụng làm giảm lạm phát ($PI_0 \rightarrow PI_1$) và giảm GDP ($Y_0 \rightarrow Y_1$)



Hình 3: Tác dụng làm giảm phát và giảm GDP của tỷ giá hối đoái cố định, nhập lậu và nhập trả chậm

Trong năm 1995, nhập trả chậm của cả nước khoảng nửa tỉ đôla, qua 1996, nhập trả chậm quý 2 cao hơn quý 1, quý 3 cao hơn quý 2, và cả năm khoảng 1 tỉ đôla. Cùng với chế độ tỷ giá hối đoái gần cố định, nhập lậu gia tăng, đây chính là giải pháp cho câu hỏi vì sao 4 tháng liên tiếp trong năm 1996 chỉ số giá cả đã âm. Giá sử ở thị trường nhập hàng trả chậm nhiều nhất cả nước, và đã phải trả giá: tăng trưởng kinh tế năm 1996 thua 1995, [3]

Tác dụng làm giảm phát và giảm tăng trưởng kinh tế của tỷ giá gần cố định, nhập lậu và nhập hàng trả chậm cũng có thể lý giải bằng công cụ của kinh tế vi mô. Giá sử ở thị trường nhập, khi không có nhập khẩu, đường cung là S_0 , thị trường cân bằng ở A, giá là P_0 , hình 4.



Hình 4: Giá cả và sản xuất trong nước giảm khi nhập khẩu gia tăng

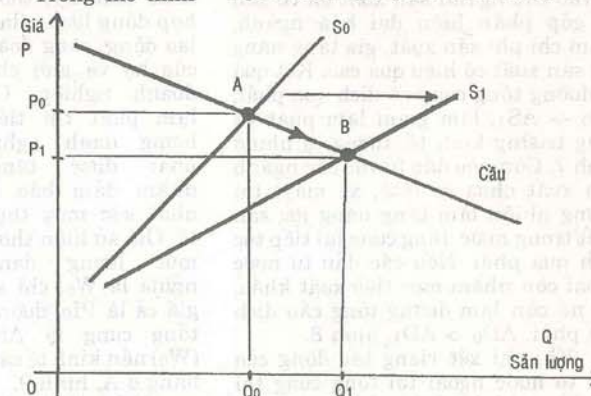
Lượng thép sản xuất trong nước là Q_0 , khi nhập khẩu ít, có hạn chế, đường cung là S_1 thị trường cân bằng ở điểm B. Giá thị trường giảm từ P_0 xuống P_1 , sản xuất trong nước giảm từ Q_0 xuống Q_1 (điểm D). Nếu nhập khẩu không hạn chế, đường cung là S_2 , thị trường cân bằng ở C, giá giảm tiếp tục xuống P_2

và sản lượng nội địa giảm xuống Q_2 , điểm E hình 4.

Đó là cơ chế làm giảm lạm phát và phát triển sản xuất do nhập khẩu gia tăng, tác động qua việc làm thay đổi cung ở thị trường hàng có nhập. Việc nhập hàng tiêu dùng trả chậm còn có tác dụng làm giảm giá và giảm sản xuất ở thị trường không có thay đổi nhập khẩu, qua cơ chế làm thay đổi cầu. Nếu người tiêu dùng được mua trả góp các hàng có giá trị cao như xe máy, tủ lạnh, tivi, thì thu nhập còn lại dành cho các nhu cầu tiêu dùng khác bị giảm một thời gian dài sau đó. Tức là đường cầu ở các thị trường này bị dịch qua trái, kết quả là giá giảm và sản xuất trong nước giảm.

Như vậy việc duy trì tỷ giá hối đoái gần cố định, nhập lậu và nhập hàng trả chậm tăng có tác dụng làm giảm phát và giảm tăng trưởng kinh tế, có thể lý giải bởi cơ chế của kinh tế vi mô và vi mô, hình 5.

Trong mô hình



Hình 6: Tác dụng làm giảm giá, tăng sản lượng của cạnh tranh

Kết quả là giá ở thị trường giảm $P_0 \rightarrow P_1$, lượng hàng được sản xuất và tiêu thụ tăng, $Q_0 \rightarrow Q_1$. Tức là trong mô hình vi mô, cạnh tranh đã có tác dụng

CƠ CHẾ VI MÔ:

• Tỷ giá cố định
• Nhập lậu
• Nhập hàng trả chậm

$\Rightarrow$ Xuất khẩu thuần $\downarrow$ $\Rightarrow$ Tổng cầu $\downarrow$ $\Rightarrow$ $\begin{cases} P \downarrow \\ GDP \downarrow \end{cases}$

CƠ CHẾ VI MÔ

• Tỷ giá cố định
• Nhập lậu
• Nhập trả chậm

$\Rightarrow$ Nhập khẩu $\uparrow$ $\Rightarrow$ Cung $\uparrow$ $\Rightarrow$ $\begin{cases} P \downarrow \\ Q_{TN} \downarrow \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} Lạm phát \downarrow \\ GDP \downarrow \end{cases}$

$\Rightarrow$ Thu nhập còn lại $\downarrow$ $\Rightarrow$ Cầu $\downarrow$ $\Rightarrow$ $\begin{cases} P \downarrow \\ Q_{TN} \downarrow \end{cases}$

Hình 5: Lý giải hiện tượng lạm phát giảm, GDP giảm do tác động của tỷ giá, nhập lậu và nhập trả chậm qua cơ chế vi mô và vi mô

QTN: lượng hàng sản xuất trong nước

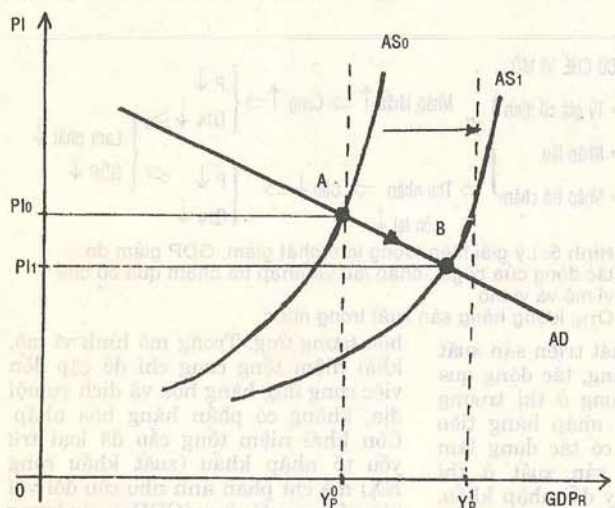
hóa tương ứng. Trong mô hình vi mô, khái niệm tổng cung chỉ đề cập đến việc cung ứng hàng hóa và dịch vụ nội địa, không có phần hàng hóa nhập. Còn khái niệm tổng cầu đã loại trừ yếu tố nhập khẩu (xuất khẩu ròng NX) mà chỉ phản ánh nhu cầu đối với sản phẩm cuối cùng (GDP_R), sản lượng được đo bằng đơn vị tiền tệ, không bằng hiện vật.

2. Ảnh hưởng của cạnh tranh tới tổng cung

Trong nhiều phân tích kinh tế vi mô như tỷ giá, lạm phát, yếu tố cạnh tranh không được nhắc tới. Cả trong kinh tế vi mô, mối quan hệ giữa cạnh tranh và đường cung cũng thường bị quên. Để tồn tại và tăng lợi nhuận trong điều kiện cạnh tranh, các công ty phải không ngừng cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng công nghệ mới, làm cho chi phí một đơn vị sản phẩm ngày một giảm. Việc giảm chi phí này làm cho đường cung của công ty và của ngành dịch qua phải, hình 6, $S_0 \rightarrow S_1$

làm giảm lạm phát và tăng sản lượng thực tế của ngành với điều kiện hiệu quả sản xuất ngày càng tăng (chi phí bình quân giảm).

Trong mô hình vĩ mô, khi chi phí sản xuất giảm, năng lực sản xuất gia tăng cho hiện đại hóa, thì đường tổng cung dịch qua phải, hình 7, $AS_0 \rightarrow AS_1$



Hình 7: Tác dụng của cạnh tranh trong mô hình vĩ mô

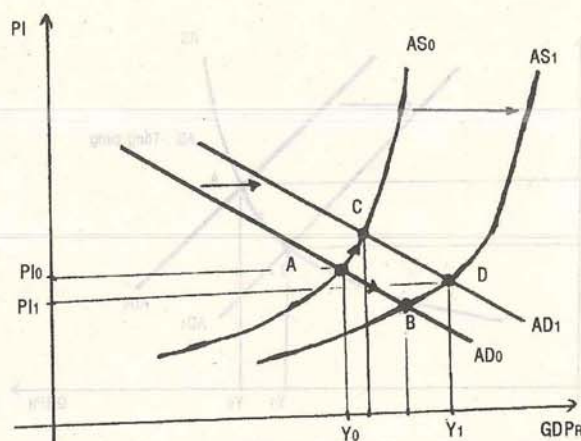
Như vậy nếu tổng cầu không đổi, nếu kinh tế đã chuyển cân bằng từ A về B, kết quả là chỉ số giá cả giảm, $PI_0 \rightarrow PI_1$, và sản lượng GDP_R đã tăng. Tức là cạnh tranh có một tác dụng rất cơ bản là giảm lạm phát và tăng GDP_R, thông qua cơ chế làm dịch đường tổng cung qua phải. Việc đường tổng cung dịch qua phải, $AS_0 \rightarrow AS_1$, cũng có nghĩa là sản lượng tiềm năng đã tăng từ Y_0 lên Y_1 , hình 7.

3. Ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài tới tổng cung và tổng cầu

Đầu tư nước ngoài tại VN không những gia tăng 8 năm qua. Việc đầu tư vào các ngành sản xuất đã có sẵn sẽ góp phần hiện đại hóa ngành, giảm chi phí sản xuất, gia tăng năng lực sản xuất có hiệu quả cao. Kết quả là đường tổng cung sẽ dịch qua phải, $AS_0 \rightarrow AS_1$, làm giảm lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tương tự như ở hình 7. Còn nếu đầu tư vào các ngành sản xuất chưa có (ôtô, xe máy) thì đương nhiên làm tăng năng lực sản xuất trong nước, tổng cung lại tiếp tục dịch qua phải. Nếu các đầu tư nước ngoài còn nhằm mục tiêu xuất khẩu, thì nó còn làm đường tổng cầu dịch qua phải, $AD_0 \rightarrow AD_1$, hình 8.

Khi chỉ xét riêng tác động của đầu tư nước ngoài tới tổng cung thì cân bằng kinh tế chuyển từ A tới B, hình 8. GDP_R tăng, chỉ số giá cả giảm. Nếu xét riêng tác động tới tổng cầu, thì cân bằng kinh tế chuyển từ A tới C. GDP_R tăng song chỉ số giá cả lại tăng. Xét tác động của đầu tư nước ngoài đồng thời tới cả tổng cung

và tổng cầu thì nền kinh tế sẽ cân bằng ở D, hình 8. GDP_R tăng chắc chắn, còn chỉ số giá cả tăng hay giảm thì chưa chắc



Hình 8: Ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài tới tổng cung và tổng cầu

chắc. Nếu đầu tư nước ngoài làm tổng cung dịch sang phải "nhiều" hơn tổng cầu, thì GDP tăng mà chỉ số giá cả lại giảm, $PI_0 \rightarrow PI_1$, hình 8.

Còn nếu tổng cầu dịch phải "nhiều" hơn tổng cung thì chỉ số giá cả tăng, kèm theo GDP tăng.

4. Ảnh hưởng của lương danh nghĩa tăng chậm

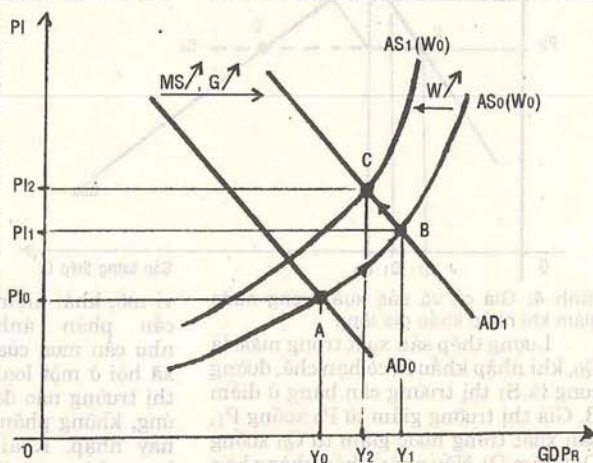
Ba năm 1994 tới 1996, mức lạm phát tích lũy khoảng 34,7%, trong khi tiền lương danh nghĩa tăng rất ít. Vì vậy mà tiền lương thực tế tháng 1.1997 so với năm 1993 khi cải cách tiền lương, chỉ gần bằng 70% [1]. Điều này có ảnh hưởng gì tới tổng cung, lạm phát và tăng trưởng kinh tế? Ở các nước như Mỹ, Đức, tiền lương được gia tăng, điều chỉnh theo mức lạm phát dự kiến trong tương lai, một cách định kỳ, thông qua hình thức hợp đồng lương (lao động) giữa người lao động, công đoàn của họ và giới chủ doanh nghiệp. Có lạm phát thì tiền lương danh nghĩa phải được tăng, nhằm đảm bảo ít nhất sức mua thực tế. Giả sử hiện thời, mức lương danh nghĩa là W_0 , chỉ số giá cả là PI_0 , đường tổng cung là $AS_0(W_0)$ nên kinh tế cân bằng ở A, hình 9.

Nếu chính phủ tăng phát hành tiền (MS) hoặc tăng chi tiêu (G) thì đường tổng cầu dịch qua phải, hình 2 và 9, $AD_0 \rightarrow AD_1$. Kết quả

là nền kinh tế cân bằng ở B, chỉ số giá cả tăng, $PI_0 \rightarrow PI_1$, và GDP tăng, $Y_0 \rightarrow Y_1$. Nếu mức lương của người lao động vẫn như cũ, W_0 , thì giờ đây thu nhập thực tế của họ bị giảm, vì giá cả tăng. Theo lẽ thường, họ sẽ đòi và phải được tăng lương, ví dụ từ W_0 lên W_1 . Việc tăng lương sẽ làm tăng chi phí sản xuất của các công ty, đường tổng cung dịch qua trái, $AS_0 \rightarrow AS_1$, hình 9, nền kinh tế cân bằng ở C. Kết quả là chỉ số giá cả tiếp tục gia tăng, $PI_1 \rightarrow PI_2$, và GDP giảm, $Y_1 \rightarrow Y_2$. Tức là nếu chúng ta đảm bảo quyền của người lao động được tăng lương khi có lạm phát, thì lạm phát sẽ tăng và GDP giảm. Như vậy, việc lạm phát được kiềm chế và giảm 3 năm qua, kinh tế tăng trưởng cao là có một phần dựa vào hy sinh của hàng triệu người lao động phải chấp nhận mức lương thực tế ngày một giảm.

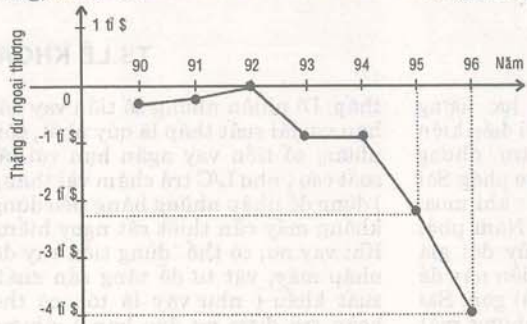
III. PHÂN TÍCH TỔNG QUÁT VÀ KIẾN NGHỊ

Ở phần trên chúng ta đã phân tích ảnh hưởng của các yếu tố tỉ giá, chính sách XNK, cạnh tranh, đầu tư nước



Hình 9: Tác dụng làm giảm lạm phát và gia tăng tăng trưởng kinh tế của việc kiềm chế tiền lương danh nghĩa

ngoài, tiền lương tới 2 đầu ra của một nền kinh tế là lạm phát và GDP. Tuy nhiên, để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, cần xem xét nhiều yếu tố đầu ra nữa, như cán cân thương mại, nợ nước ngoài, GNP và tiền lương thực. Như đã phân tích ở phần 1, tỷ giá hối đoái gần cố định mấy năm qua đã không ngừng khuyến khích nhập khẩu, hạn chế xuất khẩu. Một kết quả tất yếu là thâm hụt ngoại thương ngày một tăng, hình 10.



Hình 10: Cán cân thương mại của VN

Đi liền với thâm hụt ngoại thương là nợ nước ngoài gia tăng. Việc phải trả lãi và vốn đến hạn đang là một sức ép nặng nề đối với nền kinh tế. Cùng với việc chuyển lợi nhuận của các dự án đầu tư của nước ngoài về nước họ, thu nhập thực tế mà người VN được hưởng (GNP) sẽ nhỏ hơn đáng kể so với thu nhập được tạo ra trên lãnh thổ VN.

Trả cho vay và Thu nhập
GNP = GDP - đầu tư của + của VN ở
nước ngoài nước ngoài (1)

Trong mấy năm qua, GDP tăng hàng năm từ 8,1% (1993) đến 9,5% (1996). Song GNP tăng chắc chắn với mức độ thấp hơn, vì phải trả nợ và chuyển lợi nhuận ngày một tăng. Sự biến động của GNP - cái mà người VN được hưởng - không nhìn thấy được trên mô hình tổng cung - tổng cầu (AD - AS). Nếu bỏ qua hạn chế này của mô hình tổng cung - tổng cầu, ta có thể minh họa tình hình lạm phát và tăng trưởng GDP giữa năm 1993 và 1996 do tác động của 4 loại yếu tố đã phân tích ở phần II như sau, hình 11.

Năm 1993, ta có tổng cung AS_{93} , tổng cầu AD_{93} , nền kinh tế cân bằng ở điểm A. Vì lấy năm 93 làm gốc nên chỉ số giá cả $PI_{93} = 1$. Nếu trong 3 năm tiếp theo, chỉ xem xét ảnh hưởng của tăng cung tiền $MS \nearrow$ (bình quân 20%/năm) và tăng chi của chính phủ G , thì đường tổng cầu dịch qua phải, $AD_{93} \rightarrow AD_{96}$, hình 11. Nếu tổng cung không tăng qua 3 năm (cạnh tranh yếu, không có đầu tư nước ngoài, thiếu ứng dụng khoa học kỹ thuật), thì nền kinh tế chuyển dịch từ A về B: chỉ số giá cả rất lớn (lạm phát mạnh), GDP có tăng. Song nếu xét cả ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái thực giảm, nhập lậu và nhập trả chậm tăng, thì

đường tổng cầu sẽ bị dịch qua trái, $AD_{96} \rightarrow AD_{96}^*$. Nền kinh tế chuyển từ B về C: lạm phát giảm và tăng trưởng GDP giảm. Trong 3 năm qua, do tác động của cạnh tranh, áp dụng tiến bộ KHKT, đầu tư của nước ngoài và lương danh nghĩa tăng chậm, đường tổng cung sẽ dịch qua phải: $AS_{93} \rightarrow AS_{96}$. Kết quả là điểm cân bằng chuyển từ C về D: lạm phát tiếp tục giảm và GDP lại tăng, hình 11. Chỉ số giá cả $PI_{96} = 1,35$ (lạm phát 1996 so với 1993 khoảng 35%) GDP₉₆ bằng khoảng 1,3 GDP₉₃.

Vừa qua nhiều ý kiến đã đề nghị chấm dứt chế độ tỷ giá hối đoái gần như cố định, trái với quy luật cung cầu, gây tác hại:

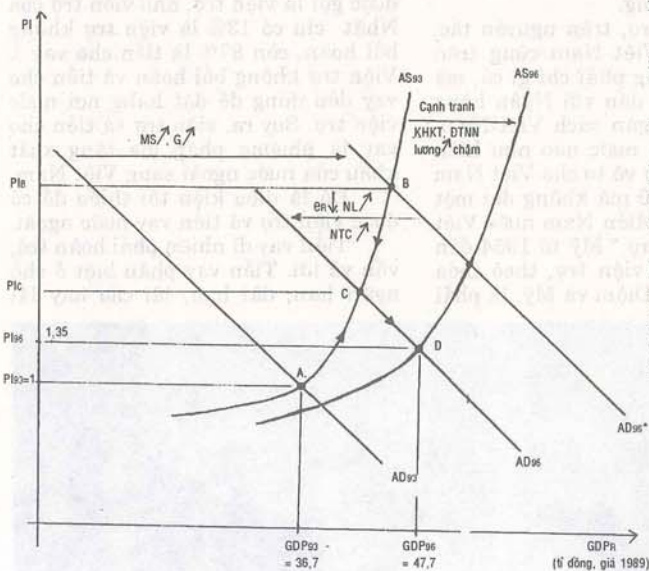
- Thâm hụt ngoại thương và nợ nước ngoài ngày càng tăng, GNP giảm nhiều so với GDP.

- Ngân hàng nhà nước phải bán mỗi năm một nhiều hơn hàng trăm triệu đôla để giữ tỷ giá, song thị trường ngoại tệ tự do đã

hoạt động mạnh trở lại.

- Tăng trưởng kinh tế kìm hãm (GDP tăng chậm)

Ý kiến phản bác cho rằng nâng tỷ giá sẽ gây lạm phát, rối loạn nền kinh tế.



Hình 11: Lý giải sự chuyển động của lạm phát và tăng trưởng GDP từ 1993 tới 1996 bằng mô hình tổng cung - tổng cầu KHKT: ứng dụng khoa học và kỹ thuật ĐTNN: đầu tư nước ngoài tại VN

Nếu cho rằng đó là biện pháp duy nhất mà ngân hàng trung ương thực hiện thì lạm phát rõ ràng sẽ tăng. Nhưng thực tế đã cho ta một bằng chứng sống: từ năm 1988 đến 1991, tỷ giá đã nâng từ 3000đ/1USD lên 13.255đ/1USD, nhưng lạm phát

lại giảm từ 393,8% xuống còn 67,6%. Tức là chỉ trong vòng 3 năm, ta đã phá giá đồng VN 342%, song lạm phát giảm bớt 326%. Bí quyết là ở chỗ: mức tăng cung tiền đã giảm từ 445,4% năm 88, xuống còn 189% năm 89; 53% năm 90 và 78,7% năm 91. Năm 92 mức tăng cung tiền chỉ còn 33,7% và lạm phát chỉ còn 17,6%. Rõ ràng thực tế lịch sử đã chỉ ra rằng, nâng giá đồng VN đi đôi với giảm mức tăng cung tiền chẳng những không chỉ kìm chế, mà còn giảm được cả lạm phát. Hơn thế nữa, dưới tác động của cạnh tranh, đầu tư nước ngoài, tiến bộ KHKT được áp dụng và chế độ lương tăng chậm, đường tổng cung dịch qua phải, hình 11, càng làm cho lạm phát giảm và GDP tăng. Có ý kiến sợ rằng phá giá đồng VN tương ứng với quy luật sức mua tương đương sẽ làm rối loạn nền kinh tế hiện nay. Năm 1989, chúng ta đã phá giá đồng VN 44%, năm 1990 là 67%, năm 1991 là 67%, năm 1992 là 18%. Vậy mà từ đó đến nay, nền kinh tế càng ổn định, lạm phát giảm. Nếu hiện nay, chúng ta phải nâng tỷ giá để có sức mua tương đương năm 1993 trong vòng 1 năm, thì tỷ giá sẽ là khoảng 13.200đ/USD. Tương đương với mức phá giá 24%/năm. So với thời kỳ 88 - 91 thì thật khiêm nhường. Do đó có thể kết luận rằng:

- Nâng tỷ giá hối đoái từng bước

- Giảm mức tăng cung tiền

- Khuyến khích cạnh tranh, ứng dụng tiến bộ KHKT

- Khuyến khích đầu tư nước ngoài là các giải pháp đồng bộ chính để đạt mục tiêu:

- Tăng trưởng GDP ở mức cao

- Giảm nợ nước ngoài, tăng GNP

- Kiểm soát lạm phát ở một con số

- Tăng tiền lương thực cho người

lao động ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Trần Văn Tá - Người lao động và vấn đề tiền lương hiện nay. Tạp chí *Cộng sản*, 2.1997, tr.35 - 38.

[2] Nguyễn Thiện Nhân - Hiện tượng giảm phát - lãi suất tín dụng giảm, tăng trưởng kinh tế giảm. Tạp chí *PTKT*, 9.96, tr.34 - 37

[3] Thanh Long - Số hàng hóa ứ đọng chưa tiêu thụ ước 3.150 tỉ đồng. Báo *Sài Gòn Giải phóng* T7, 23.11.1996, tr.12